

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

TÀI LIỆU TẬP HUẤN GIÁO VIÊN

TIẾNG ANH 6

Friends Plus

(Tài liệu lưu hành nội bộ)



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

VŨ VẠN XUÂN

TÀI LIỆU TẬP HUẤN GIÁO VIÊN

TIẾNG ANH 6
Friends
Plus

(Tài liệu lưu hành nội bộ)

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Biên tập nội dung: HUỲNH THỊ XUÂN PHƯƠNG

Thiết kế sách: NGUYỄN THỊ CÚC PHƯƠNG

Trình bày bìa: NGUYỄN MẠNH HÙNG

Sửa bản in: HUỲNH THỊ XUÂN PHƯƠNG

Chép bản: CÔNG TY CP DVXBGD GIA ĐỊNH

Địa chỉ sách điện tử và tập huấn qua mạng:

– Sách điện tử: nxbgd.vn/sachdientu

– Tập huấn online: nxbgd.vn/taphuan

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Mã số: ...

In bản, (QĐ) khổ 19 x 26,5 cm.

Đơn vị in: địa chỉ

Cơ sở in: địa chỉ

Số ĐKXB: .../CXBIPH/...GD.

Số QĐXB: .../QĐ- GD - HN ngày ... tháng ... năm 20...

In xong và nộp lưu chiểu tháng ... năm 20...

Mã số ISBN:

Lời nói đầu

Kính thưa quý thầy cô giáo!

Tài liệu tập huấn giáo viên Tiếng Anh 6 Friends Plus do Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tổ chức biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh cấp Trung học cơ sở (ban hành theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Tài liệu bám sát các chủ đề, chủ điểm kiến thức ngôn ngữ trong sách Tiếng Anh 6 Friends Plus nhằm cơ bản cung cấp cho quý thầy cô giáo các kỹ năng cần thiết để tự tin sử dụng bộ sách giáo khoa này trong quá trình giảng dạy và kiểm tra, đánh giá.

Tài liệu bao gồm 3 phần, được biên soạn tương đối chi tiết để quý thầy cô giáo nắm bắt đầy đủ từng phần trước khi bắt tay sử dụng sách **Tiếng Anh 6 Friends Plus**, góp phần nâng cao tầm hiểu biết của học sinh, giúp các em sống hòa nhập vào môi trường xung quanh với tinh thần yêu thiên nhiên, yêu con người, yêu xã hội; góp phần đào tạo học sinh trở thành những công dân toàn diện.

NHÓM TÁC GIẢ



Mục lục

PHẦN MỘT: HƯỚNG DẪN CHUNG.....	5
1. GIỚI THIỆU SÁCH GIÁO KHOA TIẾNG ANH 6 FRIENDS PLUS	5
1.1. Quan điểm biên soạn.....	5
1.2. Những điểm mới của sách giáo khoa <i>Tiếng Anh 6 Friends Plus</i>	6
2. PHÂN TÍCH CẤU TRÚC SÁCH VÀ BÀI HỌC CỦA TIẾNG ANH 6 FRIENDS PLUS.....	6
2.1. Phân tích ma trận nội dung của Tiếng Anh 6 Friends Plus.....	6
2.2. Phân tích kết cấu các chủ đề/ bài học của <i>Tiếng Anh 6 Friends Plus</i>	6
2.3. Cấu trúc mỗi chủ đề/ bài học theo mạch kiến thức	7
2.4. Phân tích một chủ đề/ bài học đặc trưng	8
3. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC.....	8
3.1. Những yêu cầu cơ bản của phương pháp dạy học môn Tiếng Anh	8
3.2. Hướng dẫn và gợi ý phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	9
4. HƯỚNG DẪN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN TIẾNG ANH.....	10
4.1. Kiểm tra, đánh giá năng lực, phẩm chất.....	10
4.2. Gợi ý về hình thức và phương pháp kiểm tra, đánh giá năng lực tiếng Anh ...	10
5. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG NGUỒN TÀI NGUYÊN SÁCH VÀ CÁC HỌC LIỆU ĐIỆN TỬ CỦA NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM.....	11
6. MỘT SỐ LƯU Ý VỀ LẬP KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN TIẾNG ANH	13
PHẦN HAI: GỢI Ý, HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC MỘT SỐ DẠNG BÀI/ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG.....	25
PHẦN BA: CÁC NỘI DUNG KHÁC	34
1. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO VIÊN TIẾNG ANH 6 FRIENDS PLUS.....	34
2. GIỚI THIỆU VÀ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CÁC NGUỒN TÀI LIỆU THAM KHẢO CỦA NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM.....	35

PHẦN MỘT

HƯỚNG DẪN CHUNG

I. GIỚI THIỆU SÁCH GIÁO KHOA TIẾNG ANH 6 FRIENDS PLUS

1.1. Quan điểm biên soạn

Tài liệu giáo khoa làm phương tiện dạy học môn học Tiếng Anh lớp 6 được biên soạn theo định hướng chuyển từ giáo dục chú trọng truyền thụ kiến thức sang hình thành và phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực học sinh:

- Theo định hướng đổi mới giáo dục phổ thông được thể hiện qua
- + Nghị quyết 29/NQ/TW ngày 4/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo;
- + Nghị quyết 88/2014/QH13 ngày 28/11/2013 của Quốc hội về Đổi mới chương trình và sách giáo khoa phổ thông;
- + Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể (khung chương trình), các chương trình môn học và hoạt động giáo dục được ban hành theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDDT, ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- + Luật Giáo dục (sửa đổi) 2019.
- Bám sát các tiêu chuẩn sách giáo khoa mới ban hành kèm theo Thông tư số 33/2017 ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.2. Những điểm mới của sách giáo khoa Tiếng Anh 6 Friends Plus

– Sách giáo khoa *Tiếng Anh 6 Friends Plus* được thừa hưởng việc tích hợp các phương pháp dạy học tích cực theo đường hướng giao tiếp của sách giáo khoa hiện hành. Mỗi đơn vị bài học của sách được đề ra **mục tiêu giao tiếp cụ thể "I can ..."** và kết thúc bằng **ứng dụng thực tế "Use it!"**.

– Các kỹ năng Nghe - Nói - Đọc - Viết được sử dụng đan xen với nhau xuyên suốt quá trình học, không thiên lệch một kỹ năng nào, giúp người học thường xuyên có cơ hội sử dụng tiếng Anh.

– Tạo điều kiện cho người học tham gia vào bài học nhiều hơn, giúp người học tiếp thu kiến thức theo trình tự của 4 bậc kiểm tra đánh giá: nhận biết - thông hiểu - vận dụng - vận dụng cao. Sách giáo khoa *Tiếng Anh 6 Friends Plus* rất phù hợp với các lớp có trình độ người học đa dạng.

2. PHÂN TÍCH CẤU TRÚC SÁCH VÀ BÀI HỌC CỦA TIẾNG ANH 6 FRIENDS PLUS

2.1. Phân tích ma trận nội dung của Tiếng Anh 6 Friends Plus

Tiếng Anh 6 Friends Plus được tích hợp đầy đủ 4 chủ điểm của Chương trình môn Tiếng Anh ban hành kèm thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo: Cộng đồng của chúng ta - Di sản của chúng ta - Thế giới của chúng ta - Tầm nhìn tương lai.

Tiếng Anh 6 Friends Plus là bước khởi đầu để học sinh có thể đạt Bậc 2 Khung năng lực sử dụng tiếng Anh khi tốt nghiệp THCS với các mục tiêu cụ thể:

- Sử dụng tiếng Anh như một công cụ giao tiếp thông qua bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết nhằm đáp ứng các nhu cầu giao tiếp cơ bản và trực tiếp trong những tình huống gần gũi và thường nhật.

- Có kiến thức cơ bản về tiếng Anh, bao gồm ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp; thông qua tiếng Anh, có những hiểu biết khái quát về đất nước, con người, nền văn hóa của các quốc gia nói tiếng Anh và của các quốc gia khác trên thế giới, đồng thời có hiểu biết và tự hào về những giá trị của nền văn hóa dân tộc mình.

- Có thái độ tích cực đối với môn học và việc học tiếng Anh, bước đầu biết sử dụng tiếng Anh để tìm hiểu các môn học khác trong chương trình giáo dục phổ thông.

- Hình thành và áp dụng các phương pháp và chiến lược học tập khác nhau để phát triển năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh.

2.2. Phân tích kết cấu các chủ đề/ bài học của Tiếng Anh 6 Friends Plus

- Bài mở đầu **Starter** với mục đích ôn tập từ vựng và ngữ pháp cơ bản mà học sinh đã học ở cấp Tiểu học.
- Tám đơn vị bài học (Unit 1 – Unit 8); Mỗi đơn vị bài học bao gồm:
 - Từ Vựng (**Vocabulary**): cung cấp bộ từ vựng số 1 theo chủ đề bài học.
 - Bài đọc (**Reading**)
 - Ngữ pháp (**Language Focus 1**): giải thích và thực hành kiến thức ngôn ngữ trong bài đọc.
 - Nghe (**Vocabulary - Listening**): cung cấp bộ từ vựng thứ hai theo chủ đề bài học.
 - Ngữ pháp (**Language Focus 2**): giải thích và thực hành kiến thức ngôn ngữ trong bài nghe.
 - Nói (**Speaking**)
 - Viết (**Writing**)

Bốn kỹ năng được thực hành xuyên suốt các bài học.

- Bốn bài **Ôn tập (Progress Review)** sau mỗi hai đơn vị bài học với phần tự đánh giá và câu khẳng định ‘Tôi có thể ...’
- Phần mở rộng gồm **Bài tích hợp các môn học (CLIL)** hoặc **Văn hóa (Culture)** ôn tập ngôn ngữ của các bài đã học, cũng như thông tin thêm về các bài học Văn hóa. Trang **Câu đố và Trò chơi (Puzzles and Games)** giúp học sinh ôn tập từ vựng đã học thông qua các trò chơi hoặc câu đố.
- Cuối sách gồm các trang **Luyện Nghe và Nói mở rộng (Extra listening and speaking)**; trang **Bài hát (Songs)** cung cấp thêm cơ hội củng cố kiến thức.
- Phần tham khảo bao gồm: **Trọng tâm ngôn ngữ (Language Focus Reference)** cho từng điểm ngữ pháp; **Danh sách từ vựng (Wordlist)** theo thứ tự chữ cái cho từng đơn vị bài học được phiên âm theo chuẩn quốc tế Anh – Anh và Anh – Mỹ.

2.3. Cấu trúc mỗi chủ đề/ bài học theo mạch kiến thức

Tiếng Anh 6 Friends Plus được biên soạn theo định hướng tiếp cận phát triển năng lực của học sinh, không chỉ đơn thuần truyền thụ kiến thức. Mỗi đơn vị bài học luôn tích hợp từ 2 đến 3 chủ đề trong một đơn vị bài học, trong đó có một chủ đề xuyên suốt và các chủ đề có liên quan:

– Chủ đề xuyên suốt đơn vị bài học được tích hợp trong hai bộ từ vựng, một bộ ở phần Vocabulary và bộ còn lại ở phần Vocabulary - Listening. Các chủ đề liên quan có thể được tích hợp trong các chủ đề xuyên suốt đơn vị bài học đó. Ví dụ: Unit 4 có chủ đề xuyên suốt là *Thế giới học tập*, trong các phần rèn luyện kỹ năng có tích hợp thêm chủ đề *Ngôi trường của tôi*, ứng dụng của *Vô tuyến truyền hình* trong học tập...

– Các phần luyện tập được đưa ra từ dễ đến khó theo 4 bậc tiếp cận: nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao. Điều này giúp học sinh nhận thức được năng lực của mình và có định hướng phấn đấu phù hợp, đồng thời giúp giáo viên nắm rõ được năng lực của học sinh để biên soạn giáo án và các bài kiểm tra hợp lý. Do đó, Tiếng Anh 6 Friends Plus hoàn toàn thích hợp với các lớp học đa trình độ.

– Các phần trò chơi, câu đố, học ngôn ngữ tích hợp nội dung các môn học (CLIL) luôn liên quan mật thiết đến chủ đề xuyên suốt trong một đơn vị bài học. Các bài luyện tập thêm về nghe, nói giúp học sinh khá, giỏi có nhiều cơ hội rèn luyện hơn.

Tất cả các từ vựng và kiến thức ngôn ngữ trong các đơn vị bài học được biên soạn phù hợp bước tiếp cận Bậc 2 của Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam (tương đương bậc A2 của Khung năng lực ngoại ngữ châu Âu), tương thích hoàn toàn các chủ điểm bậc trung học cơ sở của Chương trình tiếng Anh ban hành kèm Thông tư 32/2018 /TT-BGD&ĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.4. Phân tích một chủ đề/ bài học đặc trưng

Ví dụ: Unit 1 - Towns and cities

- Chủ điểm: *Thế giới của chúng ta*
- Chủ đề xuyên suốt: *Cuộc sống tại các đô thị*
- Các chủ đề tích hợp: *Nơi ở trong tương lai* (Reading); *Cách sử dụng bản đồ* (CLIL)

Vocabulary: Places in a town or city

- Xác định mục tiêu: I can talk about places in a town or city
- Mức độ nhận biết (Mục luyện tập 1 và 2): Thông qua kênh hình và tiếng, học sinh ghi nhận được ý nghĩa của từ vựng (**không cần phiên dịch ra tiếng mẹ đẻ**)
 - Mức độ thông hiểu (Mục luyện tập 3 và Key Phrases): Thông qua các dấu hiệu ngôn ngữ, học sinh tự rút ra được cách sử dụng các từ vựng được nêu trong bài học.
 - Mức độ vận dụng (Mục Use it!): Học sinh vận dụng được từ vựng và kiến thức ngôn ngữ để giao tiếp mức độ cơ bản.
 - Mức độ vận dụng cao (Mục Finished!): Học sinh sử dụng được kiến thức đã học một cách chủ động để giao tiếp mức độ cao hơn, có thể tranh luận, phản biện hoặc thỏa hiệp.

Mỗi bài học (Lesson) trong Tiếng Anh 6 Friends Plus đều có mục tiêu rõ ràng, đều hướng đến mục đích giao tiếp, đồng thời có các bước rèn luyện theo năng lực và phản ánh chính xác năng lực học sinh.

Các đơn vị bài học (Unit) trong Tiếng Anh 6 Friends Plus luôn có đầy đủ các bài học để rèn luyện đều 4 kỹ năng Nghe - Nói - Đọc - Viết và tạo điều kiện để giáo viên ứng dụng tối đa các phương pháp dạy học tích cực theo đường hướng giao tiếp.

3. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC:

3.1. Những yêu cầu cơ bản của phương pháp dạy học môn Tiếng Anh

Phương pháp giáo dục chủ đạo trong *Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh* là đường hướng dạy ngôn ngữ giao tiếp:

– Đường hướng dạy ngôn ngữ giao tiếp cho phép sử dụng nhiều phương pháp dạy học khác nhau, nhấn mạnh vào việc hình thành và phát triển năng lực giao tiếp của học sinh, vào khả năng sử dụng các quy tắc ngữ pháp để tạo ra các câu đúng và phù hợp thông qua các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.

– Đường hướng dạy ngôn ngữ giao tiếp có những điểm tương đồng với đường hướng lấy người học làm trung tâm trong giáo dục học. Hai đường hướng chủ đạo này quy định lại vai trò của giáo viên và học sinh trong quá trình dạy học.

– Trong đường hướng dạy ngôn ngữ giao tiếp, giáo viên đảm nhiệm nhiều vai trò, trong đó bốn vai trò sau đây được cho là nổi bật: người dạy học và nhà giáo dục; người cố vấn; người tham gia vào quá trình học tập; người học và người nghiên cứu. Những vai trò đã nêu trên đòi hỏi giáo viên có trách nhiệm: xây dựng ý thức học tập cho học sinh, giúp học sinh ý thức được trách nhiệm của mình với tư cách là những người học và về mục đích học tập của mình, giúp học sinh lựa chọn các phương pháp học tập phù hợp, giúp học sinh có quan niệm toàn diện về *thế nào là biết một ngoại ngữ*.

– Trong đường hướng dạy ngôn ngữ giao tiếp, học sinh phải được tạo điều kiện tối đa để thực sự trở thành: người đàm phán tích cực và có hiệu quả với chính mình trong quá trình học tập; người đàm phán tích cực và có hiệu quả với các thành viên trong nhóm và trong lớp học; người tham gia vào môi trường cộng tác dạy - học. Người học ngoại ngữ trong thời đại công nghiệp 4.0 không chỉ là người thu nhận kiến thức từ người dạy và từ sách vở, mà quan trọng hơn, còn phải là người biết cách học như thế nào. Kiến thức thường xuyên được định nghĩa lại khi học sinh học được nhiều hơn, và trong khi xây dựng kế hoạch học tập cho riêng mình, các em có thể nhận ra rằng các chiến lược học tập trước đó có thể không còn phù hợp.

3.2. Hướng dẫn và gợi ý phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Tiếng Anh 6 Friends Plus về cơ bản đã giúp giáo viên định hình được các bước lên lớp, trình tự tổ chức hoạt động vì các mục luyện tập trong từng bài học đã được biên soạn theo từng mục tiêu rõ ràng, phù hợp với các bậc nhận thức, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao. Các hoạt động cũng được gợi ý theo cá nhân hay theo đôi bạn, theo nhóm học tập. Giáo viên có thể kết hợp với các phương pháp tổ chức dạy học khác như dạy học theo dự án, dạy học theo hướng trải nghiệm (STEM/ STEAM) miễn là đáp ứng mục tiêu của đường hướng giao tiếp.

Ngoài ra, một số phương pháp, hình thức tổ chức dạy học khác giáo viên có thể tham khảo để áp dụng phù hợp với môi trường dạy học của mình:

– Lồng ghép vào các hoạt động ngoại khóa giờ ra chơi: Tổ chức các trò chơi để học sinh chủ động tiếp cận với môn học, tổ chức biểu diễn các tiết mục văn nghệ bằng tiếng Anh như múa, hát, hài kịch.

– Tổ chức các hoạt động tham quan du lịch chỉ sử dụng tiếng Anh cho các em học sinh: Học sinh tham gia được hòa mình vào môi trường tiếng Anh, tham gia các trò chơi tiếng Anh, gấp gỡ nói chuyện và giao lưu với người nước ngoài...

– Xây dựng không gian trường học bằng các từ vựng tiếng Anh: Lớp học, thư viện, hàng cây... có sử dụng tiếng Anh kết hợp với các hình ảnh minh họa.

4. HƯỚNG DẪN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN TIẾNG ANH

4.1. Kiểm tra, đánh giá năng lực, phẩm chất

Kiểm tra, đánh giá là yếu tố quan trọng trong quá trình dạy học nhằm cung cấp thông tin phản hồi về năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh mà học sinh đạt được trong quá trình cũng như tại thời điểm kết thúc một giai đoạn học tập. Điều này góp phần khuyến khích và định hướng học sinh trong quá trình học tập, giúp giáo viên và nhà trường đánh giá kết quả học tập của học sinh, qua đó điều chỉnh việc dạy học môn học một cách hiệu quả ở các cấp học.

Việc đánh giá hoạt động học tập của học sinh phải bám sát mục tiêu và nội dung dạy học của Chương trình, dựa trên yêu cầu cần đạt đối với các kỹ năng giao tiếp ở từng cấp lớp, hướng tới việc giúp học sinh đạt được các bậc quy định về năng lực. Hoạt động kiểm tra, đánh giá cần được thực hiện theo hai hình thức: đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì. Đánh giá thường xuyên được thực hiện liên tục thông qua các hoạt động dạy học trên lớp. Trong quá trình dạy học, cần chú ý ưu tiên đánh giá thường xuyên nhằm giúp học sinh và giáo viên theo dõi tiến độ thực hiện những mục tiêu đã đề ra trong Chương trình. Việc đánh giá định kì được thực hiện vào các thời điểm ấn định trong năm học để đánh giá mức độ đạt so với yêu cầu cần đạt đã được quy định cho mỗi cấp lớp.

Việc đánh giá được tiến hành thông qua các hình thức khác nhau như định lượng, định tính và kết hợp giữa định lượng và định tính trong cả quá trình học tập, kết hợp đánh giá của giáo viên, đánh giá lẫn nhau của học sinh và tự đánh giá của học sinh. Các loại hình kiểm tra, đánh giá cần phù hợp với phương pháp dạy học được áp dụng trong lớp học, bao gồm kiểm tra nói (hội thoại, độc thoại) và kiểm tra viết dưới dạng tích hợp các kỹ năng và kiến thức ngôn ngữ, kết hợp giữa các hình thức.

4.2. Gợi ý về hình thức và phương pháp kiểm tra, đánh giá năng lực tiếng Anh

4.2.1. Kiểm tra thường xuyên (lấy điểm hệ số 1)

- Kiểm tra nói thông qua các hoạt động giao tiếp mỗi tiết học, cho điểm theo hình thức cộng dồn nhiều lần để khuyến khích học sinh tham gia các hoạt động. Giáo viên có thể cho điểm theo hình thức ô vuông một gạch chéo: mỗi lần học sinh phát biểu đúng được 1 gạch, đủ một ô vuông và một gạch chéo cho học sinh một số điểm nào đó tùy theo năng lực chung của học sinh trong lớp. Giáo viên cộng dồn điểm nhiều lần cho đến hết học kì rồi ghi thành một cột điểm.

- Kiểm tra nghe thông qua các hoạt động có phần thực hành nghe, cho điểm theo hình thức cộng dồn giống như kiểm tra nói.

– Kiểm tra đọc thông qua các bài kiểm tra ngắn (5 phút - 10 phút - 15 phút), có thể lấy 2 hoặc 3 bài kiểm tra đọc lấy điểm trung bình cho kỹ năng đọc. Giáo viên có thể kết hợp kiểm tra ngữ âm, ngữ pháp chung với bài kiểm tra đọc nhưng tỉ lệ điểm phải thấp hơn bài kiểm tra đọc.

– Kiểm tra viết thông qua các bài kiểm tra ngắn (5 phút - 10 phút - 15 phút), có thể lấy 2 hoặc 3 bài kiểm tra viết lấy điểm trung bình cho kỹ năng viết. Giáo viên có thể kết hợp kiểm tra ngữ âm, ngữ pháp chung với bài kiểm tra viết nhưng tỉ lệ điểm phải thấp hơn bài kiểm tra viết.

Các cột điểm kiểm tra thường xuyên (4 cột điểm/ học kì) phải có đủ 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Giáo viên không được cho điểm thiên lệch về một kỹ năng nào, đặc biệt không quá đặt nặng kiểm tra ngữ pháp.

4.2.2. Kiểm tra định kì (2 cột điểm/ học kì)

– Giáo viên nên kết hợp kiểm tra kỹ năng viết, đọc và nghe trong một bài kiểm tra có thời lượng 45p hoặc 60p; Bài kiểm tra nói nên được tổ chức nhiều buổi theo từng nhóm nhỏ.

– Tỉ lệ điểm số mỗi kỹ năng nên là 25% đến 30% tổng số điểm bài kiểm tra định kì.

Giáo viên nên tham khảo các dạng bài thi quốc tế, sử dụng dữ liệu của Tiếng Anh 6 Friends Plus (kết hợp cả sách học sinh và sách bài tập) để làm ma trận để kiểm tra thật kỹ theo bốn mức độ nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao để từ đó biên soạn đề kiểm tra phù hợp đúng với yêu cầu của Chương trình tiếng Anh bậc trung học cơ sở.

5. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG NGUỒN TÀI NGUYÊN SÁCH VÀ CÁC HỌC LIỆU ĐIỆN TỬ CỦA NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

5.1. Sách bài tập (Workbook) của Tiếng Anh 6 Friends Plus cung cấp thêm các tài nguyên sau đây

- Tâm trang thực hành thêm cho mỗi đơn vị bài học của Sách học sinh, bao gồm các bài tập từ vựng, ngữ pháp, đọc và viết với ba cấp độ khó.
- Bốn trang Ôn tập (**Cumulative Review**) tất cả nội dung và kỹ năng đã học trong Sách bài học.
- **Tài liệu tham khảo (Reference)** bao gồm: các bài tập **Thực hành trọng tâm ngôn ngữ (Language Focus Practice)** cho từng điểm ngữ pháp; mục **Cụm từ chính (Key Phrases)** với các cụm từ chính trong Sách học sinh; **Tiếng Anh hàng ngày (Everyday English)**.

5.2. Sách hướng dẫn dành cho giáo viên (Teacher's Guide) cung cấp các tài nguyên sau cho người dạy học

- Giới thiệu phương pháp giảng dạy trong **Tiếng Anh 6 Friends Plus**
- Giáo án và đáp án cho các tài liệu trong Sách học sinh
- Gợi ý cho các hoạt động tùy chọn cho lớp học có nhiều trình độ khác nhau
- Ghi chú nguồn gốc, thông tin văn hóa và ghi chú ngôn ngữ
- Nội dung của phần nghe (Script) trong Sách học sinh và Sách bài tập
- Đáp án của Sách bài tập

5.3. Tệp ghi âm

Tệp ghi âm được cung cấp với định dạng mp3 của tất cả các bài tập nghe của Sách học sinh, Sách bài tập và các bài kiểm tra.

5.4. Trang điện tử (website) cung cấp cho giáo viên các tài nguyên sau

- Bài tập thực hành từ vựng và trọng tâm ngôn ngữ ở 3 cấp độ: cơ bản, ôn tập và mở rộng.
- Bài tập thực hành về kĩ năng nói.
- Các bài kiểm tra trình độ sử dụng vào đầu năm học.
- Các bài kiểm tra cuối mỗi đơn vị bài học, bao gồm kiểm tra kĩ năng nghe, từ vựng, ngữ pháp, đọc và viết ở ba cấp độ: cơ bản, tiêu chuẩn và nâng cao. Ngoài ra cũng có một bài kiểm tra nói cho mỗi đơn vị bài học.
- Các bài kiểm tra cuối học kì và cuối năm ở ba cấp độ: cơ bản, tiêu chuẩn và nâng cao.
- Bài kiểm tra năm phút về ngôn ngữ, bao gồm Từ vựng và Trọng tâm Ngôn ngữ.
- Tất cả các bài kiểm tra có sẵn ở định dạng Word và PDF có thể chỉnh sửa, và có hai mẫu A/B song song.
- Tệp nghe định dạng mp3 cho Sách học sinh, Sách bài tập và bài kiểm tra.

5.5. Công cụ trình chiếu trong lớp học (Classroom Presentation Tools)

- Phiên bản kĩ thuật số của Sách học sinh và Sách bài tập.
- File nghe, video và các bài tập tương tác có thể trình chiếu trực tiếp.
- Đáp án tự động có thể hiển thị tất cả các câu trả lời cùng lúc hoặc từng câu.
- Các công cụ có thể phóng to và tập trung vào một hoạt động, tô sáng và thêm ghi chú vào trang.
- Các đoạn video thực tế (Vox pops video) cho các đơn vị bài học trong Sách học sinh.
- Video chức năng cho các đơn vị bài học trong Sách học sinh.
- Phần ảnh động giới thiệu một vài chủ điểm ngữ pháp chính trong Sách học sinh.

6. MỘT SỐ LƯU Ý VỀ LẬP KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN TIẾNG ANH

Tiếng Anh 6 Friends Plus xây dựng kế hoạch giảng dạy và chuẩn bị bài giảng dễ dàng. Mỗi bài học trong sách được thiết kế phù hợp với thời lượng một tiết dạy trên lớp đảm bảo tổng thời lượng dạy học các bài học tương ứng với tổng số lượng tiết học được phân bổ theo Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh lớp 6 (3 tiết/ tuần x 35 tuần = 105 tiết), và có đầy đủ các bước khởi động, trình bày và khai thác nội dung bài học, và tạo cơ hội cho học sinh cá nhân hóa từng hoạt động và áp dụng những gì đã được học.

PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH SÁCH GIÁO KHOA TIẾNG ANH 6 FRIENDS PLUS

3 tiết/ tuần x 35 tuần = 105 tiết

WEEKS	TOPICS	PARTS	LEARNING TARGETS	PAGES
FIRST SEMESTER				
1	BREAKING THE ICE	Introduction	Knowing how to greet someone in a friendly way + <i>Hello!/ Hi!/ How are you?</i> <i>I'm fine. Thank you. And you?</i> Weather symbols, songs/ chants and activities (<i>sunny, rainy, cloudy, windy, snowy</i>) – Knowing how to introduce themselves by name and ask someone's name in English + <i>What's your name? My name is</i> – Thinking and making a “Rules” corner	
		Vocabulary	Reminding students of words about hobbies and interests Asking students to do exercises 1 - 5 (and the exercises in the WB)	SB p.6
		Language Focus	Reminding students of the verb <i>be</i> in affirmative and negative forms Asking students to do exercises 1 - 6 (and the exercises in the WB)	SB p.7

		Vocabulary	Reminding students of prepositions to say where things are Asking students to do exercises 1 - 4 (and the exercises in the WB)	SB p.8
2	Starter Unit	Language Focus	Reminding students of the verb <i>be</i> to ask about where people and things are Reminding students of possessive adjectives and possessive pronouns Asking students to do exercises 1 - 6 (and the exercises in the WB)	SB p.9
		Vocabulary	Reminding students of basic adjectives to describe things Asking students to do exercises 1 - 4 (and the exercises in the WB)	SB p.10
		Language Focus	Reminding students of <i>this, that, these, those; have got</i> to ask and answer questions about presents Asking students to do exercises 1 - 5 (and the exercises in the WB)	SB p.11
3	Starter Unit	Vocabulary	Reminding students of countries and nationalities Asking students to do exercises 1 - 5 (and the exercises in the WB)	SB p.12
		Language Focus	Reminding students of question words <i>Where, What, Who</i> and conjunctions <i>and, or, but</i> to write an email about oneself Asking students to do exercises 1 - 6 (and the exercises in the WB)	SB p.13

		Vocabulary	Teaching students how to talk about places in a town or city Reminding students of the model <i>there is, there are</i> Asking students to do exercises 1 - 4 (and the exercises in the WB)	SB p.14, 15
4	Unit 1 TOWNS AND CITIES	Reading	Teaching students how to predict the content of a text from photos Asking students to do exercises 1 - 4 (and the exercises in the WB)	SB p.16
		Language Focus	Reminding students of the model <i>How many, Is there...? Are there...?</i> to ask and answer questions about places Asking students to do exercises 1 - 7 (and the exercises in the WB)	SB p.17
		Vocabulary and Listening	Teaching students how to understand people comparing places and things Asking students to do exercises 1 - 6 (and the exercises in the WB)	SB p.18
5	Unit 1 TOWNS AND CITIES	Language Focus	Teaching students how to compare places and things using comparative adjectives Asking students to do exercises 1 - 5 (and the exercises in the WB)	SB p.19
		Speaking	Teaching students how to ask for directions Asking students to do exercises 1 - 5 (and the exercises in the WB)	SB p.20

6	TOWNS AND CITIES	Writing	Teaching students how to write a description of a town or city Asking students to do exercises 1 - 5 (and the exercises in the WB)	SB p.21
		CLIL	Helping students how to read a map Asking students to do exercises 1 - 5	SB p.22
		Puzzles & Games	Helping students to revise words and phrases in an entertaining way	SB p.23
7	Unit 2 DAYS	Vocabulary	Teaching students how to talk about daily routines using adverbs of frequency Asking students to do exercises 1 - 6 (and the exercises in the WB)	SB p.24, 25
		Reading	Teaching students to understand the general idea of a text Asking students to do exercises 1 - 4 (and the exercises in the WB)	SB p.26
		Language Focus	Teaching students to talk about routines using the present simple Asking students to do exercises 1 - 6 (and the exercises in the WB)	SB p.27
8	Unit 2 DAYS	Vocabulary and Listening	Teaching students to understand the main ideas in an interview about a celebration Asking students to do exercises 1 - 5 (and the exercises in the WB)	SB p.28
		Language Focus	Teaching students to ask and answer questions about routines and free time using the present simple Asking students to do exercises 1 - 6 (and the exercises in the WB)	SB p.29
		Speaking	Teaching students how to practice making plans and suggestions Asking students to do exercises 1 - 5 (and the exercises in the WB)	SB p.30

			Teaching students how to write a description of a celebration or special day Asking students to do exercises 1 - 5 (and the exercises in the WB)	SB p.31
9	Unit 2 DAYS	Writing		
		CLIL	Helping students understand the time zones Asking students to do exercises 1 - 4	SB p.32
		Puzzle & Games	Helping students to revise words and phrases in an entertaining way	SB p.33
10	PROGRESS REVIEW 1		Helping students to check their progress through further practices Helping teachers to assess their students' competence	SB p.34, 35, 36, 37
11	Unit 3 WILD LIFE	Vocabulary	Teaching students words about animals Asking students to do exercises 1 - 7 (and the exercises in the WB)	SB p.38, 39
		Reading	Teaching students how to read a text for specific information Asking students to do exercises 1 - 4 (and the exercises in the WB)	SB p.40
		Language Focus	Teaching students to talk about their country using superlative adjectives Asking students to do exercises 1 - 4 (and the exercises in the WB)	SB p.41

12	Unit 3 WILD LIFE	Vocabulary and Listening	Teaching students how to understand a podcast about animal skills Asking students to do exercises 1 - 5 (and the exercises in the WB)	SB p.42
		Language Focus	Teaching students to talk about abilities using <i>can</i> ; <i>might</i> and questions with <i>How</i> Asking students to do exercises 1 - 6 (and the exercises in the WB)	SB p.43
		Speaking	Teaching students how to ask for permission to do things Asking students to do exercises 1 - 6 (and the exercises in the WB)	SB p.44
		Writing	Teaching students how to write an information leaflet about animals in danger and give examples Asking students to do exercises 1 - 6 (and the exercises in the WB)	SB p.45
13	Unit 3 WILD LIFE	CLIL	Helping students to talk about the different animal groups Asking students to do exercises 1 - 5	SB p.46
		Puzzles & Games	Helping students to revise words and phrases in an entertaining way	SB p.47
		Vocabulary	Teaching students words about school subjects Asking students to do exercises 1 - 5 (and the exercises in the WB)	SB p.48, 49
14	Unit 4 LEARNING WORLD	Reading	Teaching students how to identify the writer's opinion about schools project Asking students to do exercises 1 - 4 (and the exercises in the WB)	SB p.50
		Language Focus	Teaching students how to use the present continuous to talk about things that are happening now Asking students to do exercises 1 - 5 (and the exercises in the WB)	SB p.51

		Vocabulary and Listening	Teaching students to listen to interviews about learning a language Asking students to do exercises 1 - 6 (and the exercises in the WB)	SB p.52
15	Unit 4 LEARNING WORLD	Language Focus	Teaching students how to differentiate the present continuous from the present simple Asking students to do exercises 1 - 5 (and the exercises in the WB)	SB p.53
		Speaking	Teaching students how to ask for help when studying languages Asking students to do exercises 1 - 5 (and the exercises in the WB)	SB p.54
16	Unit 4 LEARNING WORLD	Writing	Teaching students how to write an email about their school Asking students to do exercises 1 - 4 (and the exercises in the WB)	SB p.55
		Culture	Helping students to discuss the positive and negative things about digital learning Asking students to do exercises 1 - 4	SB p.56
		Puzzles & Games	Helping students to revise words and phrases in an entertaining way	SB p.57
17	PROGRESS REVIEW 2		Helping students to check their progress through further practices Helping teachers to assess their students' competence	SB p.58, 59, 60, 61
18	THE FIRST SEMESTER TEST - TEST CORRECTION - REPORTS			
19				

SECOND SEMESTER

20	Unit 5 FOOD AND HEALTH	Vocabulary	Teaching students words of food to talk about food they like and dislike Asking students to do exercises 1 - 6 (and the exercises in the WB)	SB p.62, 63
		Reading	Teaching students how to summarize a text Asking students to do exercises 1 - 4 (and the exercises in the WB)	SB p.64
		Language Focus	Reminding students of countable and uncountable nouns; <i>some, any, much, many, a lot of</i> when talking about food and meals Asking students to do exercises 1 - 5 (and the exercises in the WB)	SB p.65
21	Unit 5 FOOD AND HEALTH	Vocabulary and Listening	Teaching students how to understand specific information in interviews about health Asking students to do exercises 1 - 7 (and the exercises in the WB)	SB p.66
		Language Focus	Reminding students of verbs <i>-ing, imperatives</i> and <i>should</i> when talking about likes and dislikes and giving advice Asking students to do exercises 1 – 8 (and the exercises in the WB)	SB p.67
		Speaking	Teaching students how to order food and drink in a café Asking students to do exercises 1 - 6 (and the exercises in the WB)	SB p.68

22	Unit 5 FOOD AND HEALTH	Writing CLIL Puzzles & Games	<p>Teaching students how to write a blog about food using sequencing words</p> <p>Asking students to do exercises 1 - 5 (and the exercises in the WB)</p> <p>Helping students to understand and talk about nutrients</p> <p>Asking students to do exercises 1 - 5</p> <p>Helping students to revise words and phrases in an entertaining way</p>	SB p.69 SB p.70 SB p.71
23	Unit 6 SPORTS	Vocabulary Reading Language Focus	<p>Teaching students words to talk about different sports</p> <p>Ask students to do exercises 1 - 5 (and the exercises in the WB)</p> <p>Teaching students how to read for specific information</p> <p>Asking students to do exercises 1 - 4 (and the exercises in the WB)</p> <p>Teaching students how to use the models <i>there was(not), there were(not)</i> to talk about past events</p> <p>Asking students to do exercises 1 - 7 (and the exercises in the WB)</p>	SB p.72, 73 SB p.74 SB p.75
24	Unit 6 SPORTS	Vocabulary and Listening	<p>Teaching students how to use regular and irregular verbs to understand specific information in a programme about the X Games</p> <p>Asking students to do exercises 1 - 4 (and the exercises in the WB)</p>	SB p.76

		Language Focus	Teaching students how to use the past simple to talk about the events in the past Asking students to do exercises 1 - 5 (and the exercises in the WB)	SB p.77
			Speaking Teaching students how to talk about what they did at the weekend Asking students to do exercises 1 - 5 (and the exercises in the WB)	SB p.78
25	Unit 6 SPORTS	Writing	Teaching students how to write a profile of a sports star using paragraphs Asking students to do exercises 1 - 4 (and the exercises in the WB)	SB p.79
		Culture	Helping students to understand some sports	SB p.80
		Puzzles & Games	Helping students to revise words and phrases in an entertaining way	SB p.81
26	PROGRESS REVIEW 3		Helping students to check their progress through further practices Helping teachers assess their students' competence	SB p. 82, 83, 84, 85
27	Unit 7 GROWING UP	Vocabulary	Teaching students words to describe people Asking students to do exercises 1 – 6 (and the exercises in the WB)	SB p.86, 87
		Reading	Teaching students how to understand the general idea of a text Asking students to do exercises 1 - 4 (and the exercises in the WB)	SB p.88
		Language Focus	Teaching students how to use the past simple in affirmative and negative forms to talk about situations and events in the past Asking students to do exercises 1 - 6 (and the exercises in the WB)	SB p.89

28	Unit 7 GROWING UP	Vocabulary and Listening	Teaching students how to listen for specific biographical information Asking students to do exercises 1 - 5 (and the exercises in the WB)	SB p.90
		Language Focus	Teaching students how to use the past simple to ask questions about events in the past Asking students to do exercises 1 - 5 (and the exercises in the WB)	SB p.91
		Speaking	Teaching students to role-play an interview with a famous person Asking students to do exercises 1 - 5 (and the exercises in the WB)	SB p.92
29	Unit 7 GROWING UP	Writing	Teaching students how to describe a person's physical appearance and behavior Asking students to do exercises 1 - 5 (and the exercises in the WB)	SB p.93
		CLIL	Helping students to read and understand an extract from a work of literature Asking students to do exercises 1 - 4	SB p.94
		Puzzles & Games	Helping students to revise words and phrases in an entertaining way	SB p.95
30	Unit 8 GOING AWAY	Vocabulary	Reminding students words of means of transport Asking students to do exercises 1 - 5 (and the exercises in the WB)	SB p.96, 97
		Reading	Teaching students to read for detailed information Asking students to do exercises 1 - 4 (and the exercises in the WB)	SB p.98
		Language Focus	Teaching students how to use <i>be going to, will, won't</i> to talk about future plans and intentions and make predictions about the future Asking students to do exercises 1 - 6 (and the exercises in the WB)	SB p.99

31	Unit 8 GOING AWAY	Vocabulary and Listening	Teaching students the weather words to talk about the weather Asking students to do exercises 1 - 6 (and the exercises in the WB)	SB p.100
		Language Focus	Teaching students how to use the first conditional to talk about conditions and their results Asking students to do exercises 1 - 6 (and the exercises in the WB)	SB p.101
		Speaking	Teaching students how to make offers and promises Asking students to do exercises 1 - 4 (and the exercises in the WB)	SB p.102
32	Unit 8 GOING AWAY	Writing	Teaching students how to write a postcard about their visit Asking students to do exercises 1 - 4 (and the exercises in the WB)	SB p.103
		Culture	Helping students to know the theme park in Japan and can talk about theme parks in their country Asking students to do exercises 1 - 5	SB p.104
		Puzzles & Games	Helping students to revise words and phrases in an entertaining way	SB p.105
33	PROGRESS REVIEW 4		Helping students to check their progress through further practices Helping teachers to assess their students' competence	SB p.106, 107, 108, 109
34	MOCKTESTS	Teacher's site End-of- year tests	Helping students assess themselves before the final test	
35	THE SECOND SEMESTER TEST - TEST CORRECTION - REPORTS			

PHẦN HAI

GỢI Ý, HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC MỘT SỐ DẠNG BÀI

Mỗi đơn vị bài học (1 Unit) trong *Tiếng Anh 6 Friends Plus* chứa đựng nội dung phát triển đều 4 kỹ năng *nghe, nói, đọc, viết* và có thể được chia thành 9 bài học (9 lessons) bao gồm 8 bài bắt buộc và 1 bài tự chọn. Sau đây là ví dụ một đơn vị bài học cụ thể được phân bổ như sau:

UNIT 1 TOWNS AND CITIES

(CHỦ ĐỀ XUYÊN SUỐT: CUỘC SỐNG TẠI CÁC ĐÔ THỊ)

– **Lesson 1 (Vocabulary):** cung cấp bộ từ vựng thứ nhất về các địa điểm thường có ở một khu đô thị (*cầu, đường phố, quảng trường, thư viện...*), đánh giá cơ bản các địa điểm đó.

– **Lesson 2 (Reading):** miêu tả một du thuyền loại lớn và các hoạt động nghỉ dưỡng trên du thuyền (Tích hợp thêm Chủ đề *Nơi ở trong tương lai*).

– **Lesson 3 (Language Focus):** luyện tập khắc sâu các trọng tâm ngôn ngữ trong bài đọc như *some/ any/ a(n)/ the/ there are/ there is*.

– **Lesson 4 (Listening):** cung cấp bộ từ vựng thứ hai là các tính từ miêu tả nơi chốn (*to, nhỏ, xấu, đẹp, cổ điển, hiện đại...*), các bài luyện tập kĩ năng nghe theo chủ đề.

– **Lesson 5 (Language Focus):** luyện tập khắc sâu trọng tâm ngôn ngữ trong bài nghe là các dạng so sánh của tính từ, luyện tập phát âm một số nguyên âm và phụ âm.

– **Lesson 6 (Speaking):** luyện tập kĩ năng nói về cách hỏi vị trí của nơi chốn, cách trả lời và cảm ơn.

– **Lesson 7 (Writing):** viết đoạn văn ngắn (khoảng 60 từ) miêu tả một đô thị, cung cấp dàn bài mẫu để một học sinh có năng lực tối thiểu cũng viết được một đoạn văn miêu tả, có yêu cầu cao hơn cho học sinh khá, giỏi.

– **Lesson 8 (CLIL):** bài đọc tích hợp nội dung môn Địa lí về cách đọc bản đồ để xác định địa điểm. Giáo viên có thể triển khai thành tiết học trải nghiệm STEAM thông qua nội dung bài học này.

– **Lesson 9 (Puzzles and Games):** đây là nội dung tự chọn. Học sinh các lớp giỏi có thể thực hiện được để bài học thêm phong phú và sinh động. Học sinh các lớp có trình độ cơ bản có thể bỏ qua phần này để tăng cường luyện tập thêm một phần khác kĩ lưỡng hơn (*do giáo viên đánh giá và lựa chọn*)

Sau đây là phần gợi ý phương pháp tổ chức hoạt động của một đơn vị bài học cụ thể, **thông qua các Lesson 1 - 2 - 3 - 4 - 5 - 6 - 7**. Quý thầy cô có thể căn cứ vào hướng dẫn cơ bản này để điều chỉnh phù hợp với tình hình cụ thể của lớp do mình phụ trách.

Chú ý: các gợi ý này chỉ có tính tham khảo, không thay thế giáo án cụ thể của các bài học do giáo viên phụ trách trên lớp.

Unit summary

Vocabulary

Các địa điểm trong đô thị: bridge, bus station, café, flat, hotel, library, cinema, market, monument, office building, park, restaurant, school, shop, shopping centre, sports centre, square, street, theatre, train station

So sánh: clean, dangerous, dirty, friendly, modern, noisy, old, pretty, quiet, safe, ugly, unfriendly

Trọng tâm ngôn ngữ

Is there ... ?, Are there ... ?, How many ... ?

Dạng so sánh tính từ

Nói

Tôi có thể hỏi, đáp về vị trí các địa điểm.

Viết

Tôi có thể viết đoạn văn miêu tả một đô thị.

Từ vựng • Các địa điểm trong một đô thị

Mục tiêu

Nói về các địa điểm trong một đô thị.

Nền tảng kiến thức

Cẩm nang về London ở trang 14 trình bày những địa điểm nổi tiếng nhất London.

Regent's Park là một công viên lớn, mở cửa tự do cho khách tham quan, đồng thời là địa điểm đặt London Zoo.

Nelson's Column là tượng đài tưởng nhớ tướng công Nelson, một viên chỉ huy nổi tiếng của hải quân Anh giành nhiều chiến thắng vang dội trong các trận hải chiến.

Harrods là một cửa hàng bách hóa nổi tiếng, bán những hàng hóa đắt tiền có chất lượng cao.

The British Library là thư viện lớn nhất Anh quốc. Nơi đây có nhiều sách lịch sử rất giá trị và cũng lưu giữ các bản sao của từng quyển sách xuất bản tại Anh quốc.

The Savoy là một trong những khu khách sạn hàng đầu của London và luôn có giá thuê nằm trong mức đắt nhất.

Covent Garden Market là khu chợ nổi tiếng bán những món hàng độc, lạ là hoàn toàn thủ công như quần áo, nón trang.

Có hơn 30 nhà hát ở khu London's West End, trình diễn rất nhiều các vở kịch và nhạc kịch.

The Shard được xây từ năm 2009 đến năm 2012. Nó có độ cao 310 mét và có 97 tầng.

1 Towns and cities

VOCABULARY • Places in a town or city
I can talk about places in a town or city.

THINK! What famous places are there in your town or city?

1 Match the words in the box with places 1–14 on the map of London below. There are six extra words. Then listen and check.

square restaurant school office building
 train station bridge café theatre
 sports centre library bus station cinema
 shop park shopping centre market
 monument hotel flat street

2 Watch or listen. Which places from exercise 1 do the people mention?



3 Watch or listen again and complete the sentences.

- 1 There isn't a here.
- 2 There are some in the city, too.
- 3 There's an old here.
- 4 There's a here.
- 5 There aren't any good here.

At the British there are fourteen million books!

LONDON GUIDE



- 1 At the British Library there are fourteen million books!
- 2 Regent's Park is a beautiful green area.
- 3 The Savoy is a very famous hotel.
- 4 Nelson's Column is a tall in the middle of Trafalgar Square.
- 5 Victoria – London buses stop here.
- 6 The IMAX cinema – watch a 3D film here.
- 7 Covent Garden – go shopping in the market.
- 8 Harrods is a very famous store.
- 9 The British Library is a building.
- 10 The Shard is a building.
- 11 The Savoy is a hotel.
- 12 The Tate Modern is a building.
- 13 The Tower Bridge is a bridge.
- 14 The Royal Opera House is a building.

Tower Bridge được khánh thành năm 1894. Khu vực trung tâm của cây cầu, bắc giữa 2 tháp, có thể nâng lên được để tàu bè có thể qua lại.

The IMAX cinema có một màn hình cao 20 mét và rộng 26 mét, là màn hình lớn nhất Anh quốc.

HÃY SUY NGHĨ!
 Thầy, cô hãy đặt một số câu hỏi với học sinh về những địa điểm nổi tiếng ở khu vực mình cư trú. Một số học sinh sẽ trả lời.
(Nếu khu vực lớp học có kết nối mạng, thầy có thể hướng dẫn học sinh tra cứu thông tin về các địa điểm và đọc trước lốp.)

ĐÁP ÁN

Tùy câu trả trả lời của học sinh.

Bài tập 1 Track 1•12

Học sinh đánh dấu nổi các đơn vị từ trong khung ở trang 14-15 với các tranh miêu tả địa điểm ở London:

- Đối với các lớp trình độ cơ bản: giáo viên giới thiệu từ, cung cấp ý nghĩa (hạn chế dùng tiếng Việt). Sau đó, học sinh làm việc theo đội bạn hoặc nhóm bạn để đánh dấu mục từ với địa điểm.

- Đối với các lớp trình độ cao: giáo viên tổ chức thi đua theo nhóm, sau đó học sinh nghe đoạn ghi âm để kiểm tra. Giáo viên có thể hỏi thêm học sinh về các địa điểm này bằng tiếng Anh.

ĐÁP ÁN

- | | | | | | |
|----|-----------------|----|-------------|----|------------|
| 1 | Library | 2 | Park | 3 | hotel |
| 4 | monument | 5 | Square | | |
| 6 | shop | 7 | bus station | | |
| 8 | market | 9 | cinema | 10 | restaurant |
| 11 | station | 12 | theatre | 13 | Bridge |
| 14 | office building | | | | |

New Malden: eat interesting Korean food in the ¹⁰ here.

King's Cross: ¹¹ take a train here.

The West End: is London's ¹² district.

Tower: ¹³ see the River Thames from here.

KEY PHRASES

Talking about places

There's a/ an There isn't a/ an

There are some There aren't any

My favourite place is

4 USE IT! Work in pairs. Talk about places in your town or city. Use the Key Phrases.

There's a good Korean restaurant near my house.

There are some interesting monuments here.

Finished?
What are the good and bad things about your town or city? Write sentences.

The Shard is London's new and very tall ¹⁴

Bài tập 2 Track 1-13

Giáo viên bắt tệp ghi hình/ ghi tiếng để học sinh xem/ nghe và ghi chú những địa điểm các em nghe được. Sau đó giáo viên công bố đáp án cho học sinh kiểm tra.

- **Đối với các lớp trình độ cơ bản:** giáo viên nên tạm dừng sau mỗi đoạn phỏng vấn, hoặc bắt lại tệp ghi hình/ ghi tiếng thêm một lần.

ĐÁP ÁN

café, cinema, restaurant, sports centre, park, library, bridge, monument, bus station, shop

Hoạt động tự chọn:

Giáo viên có thể đặt câu gợi ý để học sinh đoán các địa điểm. Ví dụ:

- Bạn có thể uống cà phê ở đây.
- Bạn có thể ...

Giáo viên chia lớp thành các đôi bạn và yêu cầu mỗi đôi viết ba câu gợi ý.

Sau đó giáo viên xếp ngẫu nhiên 2 đôi vào một nhóm 4 bạn, đôi này sẽ hỏi đôi kia trả lời. Giáo viên nhờ các đôi xác nhận xem bạn mình có trả lời đúng hay không.

Bài tập 3 Track 1-13

Giáo viên cho học sinh vài phút đọc các câu còn bỏ trống.

Sau đó, giáo viên bắt lại tệp ghi hình/ ghi tiếng. Học sinh xem/ nghe thật kỹ và hoàn tất các câu trả lời.

Giáo viên cung cấp đáp án để học sinh kiểm tra.

ĐÁP ÁN

1 theatre 2 parks 3 bridge
4 café 5 shops

Điểm ngôn ngữ: **there is, there are + a, an, some and any**

Chú giải ngôn ngữ

Chúng ta sử dụng mẫu câu **there is** + danh từ số ít và **there are** + danh từ số nhiều: **There is a cinema. There are two cinemas.**

Chúng ta dùng **some** trong câu khẳng định, và **any** trong câu phủ định: **There are some restaurants. There aren't any restaurants.**

Hoạt động tự chọn:

Giáo viên có thể yêu cầu học sinh viết thêm 3 câu sử dụng "some/ any/ a(n)" kết hợp các từ ở bài tập 1 để miêu tả khu vực mình sinh sống. Sau đó, một số học sinh sẽ viết câu của mình lên bảng. Các học sinh còn lại so sánh và bổ sung các địa điểm mình biết.

Bài tập 4 USE IT!

Giáo viên nhờ một học sinh vững vàng đọc to các địa điểm trước lớp. Sau đó giáo viên chia học sinh thành các đôi bạn để hỏi đáp về các địa điểm trong một đô thị.

ĐÁP ÁN

Tùy vào câu trả lời của học sinh.

Kết thúc?

Giáo viên nên mời các học sinh nhanh nhẹn tham gia hoạt động này:

- Học sinh có thể thi xem ai viết lên bảng nhanh hơn các câu trả lời của mình.
- Ngoài ra, giáo viên có thể yêu cầu học sinh đọc to các điểm xấu/ điểm tốt và giải thích lí do.

Bài tập làm thêm

SBT trang 12

Kiểm tra, đánh giá

Bài KT 5 phút, Teacher's Resource Disk

Reading**• Đoạn văn miêu tả một chiếc du thuyền****Mục tiêu**

Đoán nội dung một văn bản thông qua hình ảnh.

SUY NGHĨ!

Giáo viên đọc câu hỏi trước lớp. Giáo viên dùng hình ảnh dạy từ *cruise ship*. Giáo viên hỏi từng học sinh và cho phép các em trả lời tự ý. Giáo viên có thể đặt thêm các câu hỏi để khuyến khích học sinh như là: *What things can you do on a cruise ship? / in a city? / by the sea? What things can't you do?*

ĐÁP ÁN

Tùy vào câu trả lời của học sinh.

Bài tập 1

Giáo viên chia lớp thành các đội bạn, đọc to câu hỏi và cho học sinh làm bài. Giáo viên nêu khuyến khích học sinh dùng hình ảnh để đoán câu trả lời và cho học sinh ghi lên bảng một số câu trả lời. Sau đó, giáo viên sửa bài.

ĐÁP ÁN

- 1 There isn't a school, but there's a library.
- 2 Yes. There are five swimming pools.
- 3 There are twenty cafés and restaurants.

Bài tập 2 ④ Track 1•14

Giáo viên cho học sinh đọc kĩ "Skills Strategy" trước khi đọc câu hỏi.

Giáo viên cần chắc chắn học sinh hiểu hết yêu cầu trước khi bắt đoạn ghi âm.

Giáo viên nhắc học sinh chú ý nghe các thông tin đặc thù như tên riêng, ngày tháng... trong khi nghe.

Sau khi nghe xong, giáo viên sửa bài và giải thích ý nghĩa từ OASIS (Khu nghỉ dưỡng).

ĐÁP ÁN

- 1 *Oasis of the Seas*
- 2 More than 2,000 people work on the ship.
- 3 There are 250 chefs.
- 4 Yes.
- 5 There's a climbing wall in the sports area.

Bài tập 3 VOCABULARY PLUS

Giáo viên hướng dẫn học sinh dùng từ điển tra cứu ý nghĩa, thảo luận về ý nghĩa của từ với bạn xung quanh. (Có thể dùng tiếng Việt để đảm bảo hiểu rõ từ.)

ĐÁP ÁN

Tùy vào câu trả lời của học sinh.

1 READING • A description of a cruise ship

I can predict the content of a text from photos.

THINK! Where do you think is a good place for a holiday? Why?

on a cruise ship in a city by the sea

**City on the Sea**

Imagine a five-star hotel with **fantastic** food and **comfortable** rooms. Imagine a square, shops, cinemas and theatres. Imagine all of these things on one very big ship: *Oasis of the Seas*.

More than 2,000 people work on *Oasis of the Seas*, and there are **cabins** for 6,360 **passengers**. That's a lot of people, and they eat a lot of food in the ship's twenty cafés and restaurants. There are 250 **chefs**.

It's the first ship with a park. It's called Central Park and it's got fifty real trees and 12,000 plants. If you like sports, there are also five **swimming pools** and there's an exciting sports area with a **climbing wall**. If you prefer reading, there's a library, but relax - there isn't a school on the ship!



climbing wall

Central Park

1 Look at the photos. What do you think are the answers to questions 1–5? Read and check.

- 1 Is there a school and a library on the ship?
- 2 Are there any swimming pools?
- 3 How many cafés and restaurants are there on the ship?

SKILLS STRATEGY

How to answer specific questions about a text:

- First, identify the key word(s) in the question.
- Next, scan the text for the key word(s).
- Finally you can find the correct answer in the sentence that has got the key word(s).

2 ④ 1.14 Read the Skills Strategy. Then read and listen to the text and answer the questions.

- 1 What's the name of the ship?
- 2 How many people work on the ship?
- 3 How many chefs are there on the ship?
- 4 Is it the only ship with a park?
- 5 What's in the sports area?

3 **VOCABULARY PLUS** Use a dictionary to check the meanings of the words in blue in the text.

4 **USE IT!** Work in pairs. Is the *Oasis of the Seas* a good place for a holiday? Why / Why not?

16 Towns and cities**Hoạt động tự chọn:**

Giáo viên viết ra 3 con số sau:

50 12,000 6,360

Học sinh đọc lướt bài và xác định các vấn đề liên quan đến 3 con số đó. (Lưu ý học sinh một vài con số có thể viết bằng chữ). Sau đó, giáo viên kiểm tra câu trả lời.

- **Đối với các lớp trình độ cao:** giáo viên có thể tạo thành cuộc thi xem học sinh nào làm nhanh hơn.

ĐÁP ÁN

- 50 – the number of real trees on the ship
12,000 – the number of plants on the ship
6,360 – the number of passengers

Bài tập 4 USE IT!

Giáo viên cho học sinh vài phút tự chuẩn bị các câu trả lời. Sau đó, giáo viên chia lớp thành các đội bạn để học sinh hối đáp với nhau. Giáo viên có thể mời vài đội trình bày trước lớp.

ĐÁP ÁN

Tùy vào câu trả lời của học sinh.

Bài tập làm thêm

SBT trang 16 – bài tập 5
Bộ thực hành

1**LANGUAGE FOCUS • Is there ... ?, Are there ... ?, How many ... ?**

I can ask and answer questions about places.

- 1** Complete the questions. Then choose the correct answers.

- 1 there a school on the ship?
a. Yes, there is. b. No, there isn't.
- 2 there any swimming pools?
a. Yes, there are. b. No, there aren't.
- 3 How many cafés and restaurants there on the ship?
a. Yes, there are. b. There are twenty.

- 2** Choose the correct words in the Rules.

RULES

- 1 We use **some / any** in questions.
- 2 We use **Yes, there is / No, there isn't** with singular nouns / plural nouns.
- 3 We use **Are there** and **No, there aren't** with singular nouns / plural nouns.
- 4 We use **How many ... ?** with singular nouns / plural nouns.

- 3** Match 1–6 with a–f to make questions. Then write answers about your town or city.

- | | |
|-----------------|--------------------------|
| 1 Is there a | a. people are there? |
| 2 Are there | b. a good school? |
| 3 Is there an | c. sports centre? |
| 4 How many | d. bridges? |
| 5 Is there | e. old part? |
| 6 Are there any | f. any five-star hotels? |

- 4** Complete the questions with **Is there ... ?, Are there ... ?** and **How many ... ?** Then ask and answer the questions with a partner.

- 1 any trees in your town or city?
- 2 a park or a sports centre?
- 3 swimming pools are there?
- 4 any exciting places for young people?
- 5 people live in your town or city?



Towns and cities 17

Definite and zero article

- 5** Choose the correct words in the Rules.

RULES

We use **a / the** to talk about one particular thing.
We use **some / zero article** to talk about things in general.

- 6** Complete the sentences with **the** or **Ø**.

- 1 There are lots of things to do on cruise ship.
- 2 I go running in park near my house.
- 3 I think climbing is an exciting sport.
- 4 My dad likes cooking Italian food.
- 5 There are lots of boats at Cái Răng floating market.



- 7** USE IT! Work in groups. Ask and answer about an amusement park in your town / city. Use **Is there ... ?, Are there ... ?** and **How many ... ?**

- Are there any swimming pools?
Yes, there are.
How many swimming pools are there?
There are three.

Finished?

Write a description of your amusement park in exercise 7. Use the prepositions in the Starter unit.

Trọng tâm ngôn ngữ **Is there ... ?, Are there ... ?, How many ... ?**

Mục tiêu

Hỏi và đáp về vị trí các địa điểm.

Khởi động

Giáo viên yêu cầu học sinh đóng sách, hỏi xem các em còn nhớ gì về du thuyền *Oasis of the Seas*. Ví dụ: *There are 20 restaurants*. Ask: *Is there a park?*

Bài tập 1

Giáo viên cho học sinh đọc câu hỏi và trả lời.

- **Đối với các lớp trình độ cơ bản:** học sinh nên mở trang 16 để tìm câu trả lời.

- **Đối với các lớp trình độ cao:** học sinh cố gắng nhớ thông tin và trả lời, sau đó mở lại trang 16 để kiểm tra.

DÁP ÁN

- 1 Is, b 2 Are, a 3 are, b

Bài tập 2

Giáo viên chia lớp thành các đội bạn. Học sinh tự hoàn thành qui tắc và so sánh theo đội. Giáo viên sửa bài và bắt Đoạn ghi hình Grammar Animation.

DÁP ÁN

- 1 any 2 singular nouns
3 plural nouns 4 plural nouns

Chú thích ngôn ngữ

Khi đặt câu hỏi bằng *there is / there are*, chúng ta **đặt động từ trước**: *Is there a swimming pool?* (**Không đặt**: *There is a swimming pool?*)

Khi trả lời ngắn, chúng ta **không được** dùng dạng rút gọn: *Yes, there is.* (**Không đặt**: *Yes, there's.*)

Chúng ta dùng **any** (**Không đặt some**) trong câu hỏi có danh từ số nhiều: *Are there any hotels?* (**Không đặt**: *Are there some hotels?*)

Chúng ta dùng **How many ... ?** để hỏi về số lượng. Giáo viên chú ý cho học sinh khi trả lời câu hỏi **How many ... ?** phải sử dụng một con số nào đó.

Bài tập 3

Giáo viên chia lớp thành các đôi bạn để học sinh đặt câu hỏi và so sánh với nhau. Giáo viên ghi nhận các câu hỏi và cùng học sinh so sánh lại với các qui tắc ở Bài tập 2. Sau đó, học sinh tự viết câu trả lời về khu đô thị của mình. Giáo viên ghi nhận và sửa lỗi.

DÁP ÁN

- 1 c 2 f 3 e 4 a 5 b 6 d

Tùy vào câu trả lời của học sinh.

Bài tập 4

Giáo viên chia lớp thành các đôi bạn để học sinh trả lời câu hỏi và so sánh với nhau. Giáo viên ghi nhận các câu hỏi và trả lời đúng để sửa cho cả lớp.

DÁP ÁN

- 1 Are there 2 Is there 3 How many

- 4 Are there 5 How many

Tùy vào câu trả lời của học sinh.

Bài tập 5

Giáo viên chia lớp thành các đôi bạn để học sinh tự hoàn tất các qui tắc và so sánh với nhau.

DÁP ÁN

the, no article

Bài tập 6

Giáo viên chia lớp thành các đôi bạn để học sinh làm bài và so sánh với nhau. Sau đó, giáo viên ghi nhận các câu trả lời đúng và sửa bài cho cả lớp.

DÁP ÁN

- 1 the 2 the 3 – 4 – 5 the

Bài tập 7 USE IT!

Giáo viên giải thích với học sinh ở nhiều quốc gia người ta xây dựng các công viên giải trí rất lớn, có rất nhiều trò giải trí cho cả gia đình cùng tham gia, giống hệt như trên một chiếc du thuyền. Sau đó giáo viên chia lớp thành các nhóm và cho các em vài phút tự thiết kế công viên giải trí theo ý thích của mình. Các nhóm sẽ trình bày trước lớp và giáo viên cho các nhóm bình bầu chọn ra công viên đẹp nhất. Giáo viên có thể thực hiện hỏi đáp các câu ngắn để học sinh thực hành tiếng Anh.

DÁP ÁN

Tùy vào câu trả lời của học sinh.

Hoàn tất?

Giáo viên nên mời các học sinh tự tin và nhanh nhẹn tham gia hoạt động này. Học sinh viết các câu trả lời của mình và so sánh với các bạn còn lại xem ai nhanh hơn. Ngoài ra, giáo viên có thể cho học sinh chắt vắn lẫn nhau về công viên giải trí mà các em yêu thích.

Bài tập làm thêm

SBT trang 13

Kiểm tra, đánh giá

Bài KT 5 phút, Teacher's Resource Disk

Từ vựng và bài nghe

- So sánh các địa điểm và đồ vật**

Mục tiêu

Hiểu được cách mọi người so sánh các đồ vật và địa điểm

SUY NGHĨ!

Giáo viên hỏi và một số học sinh trả lời.
Giáo viên nên đặt các câu hỏi dài và khuyễn khích học sinh trả lời:

- Ví dụ: *What are the advantages of old / modern places? Do you live in an old / modern flat or house?*

ĐÁP ÁN

Tùy thuộc vào câu trả lời của học sinh.

Bài tập 1 Track 1•15

Học sinh đánh dấu nối các cặp tính từ đối nghĩa. Giáo viên bắt đoạn ghi âm để học sinh nghe và sửa bài theo đoạn ghi âm.
Giáo viên hướng dẫn học sinh phát âm các tính từ mới.

ĐÁP ÁN

1 dirty 2 quiet 3 pretty 4 safe
5 unfriendly 6 old

Bài tập 2

Giáo viên chia lớp thành các đôi bạn. Học sinh đặt câu với các tính từ và so sánh với bạn cùng đội. Giáo viên mời một số học sinh đọc câu trả lời trước lớp và mời các bạn còn lại sửa lỗi.

ĐÁP ÁN

Tùy thuộc vào câu trả lời của học sinh.

Hoạt động tự chọn: Từ vựng

Giáo viên chia lớp thành các đôi bạn. Hai bạn cùng chọn 3 tính từ ở bài tập số 1 cùng 3 từ đối nghĩa và viết ra một mảnh giấy. Sau đó học sinh đóng sách lại. Một bạn đọc tính từ và bạn kia đọc từ đối nghĩa. Sau đó đổi ngược lại.

Bài tập 3 Track 1•16

Giáo viên cho học sinh vài phút đọc phần giới thiệu và các chủ đề. Giáo viên phát âm mẫu từ *Chloe*/'klɔɪə/ và *Dwayne*/dweɪn/ cho học sinh lặp lại. Sau đó, giáo viên bắt đoạn ghi âm. Học sinh lắng nghe để phát hiện ai đang để cặp đến các chủ đề nào.

ĐÁP ÁN

1 Emma – the park 2 Lukas – buses and bikes 3 Dwayne – New York
4 Chloe and Harriet – restaurants

Bài tập 4 Track 1•17

Giáo viên cho học sinh vài phút đọc các câu. Giáo viên lưu ý học sinh ở đoạn thứ tư học sinh cần xác định *Harriet* hay *Chloe* đang nói. Giáo viên nên mở đoạn ghi âm 2 lần. Học sinh kiểm tra câu trả lời và giáo

1 VOCABULARY AND LISTENING • Comparing places and things

I can understand people comparing places and things.

THINK! Do you like modern or old places? Why?

1 1.15 Match adjectives 1–6 with their opposites in the box. Then listen and check.

dirty unfriendly old quiet pretty safe



1 clean



2 noisy



3 ugly



4 dangerous



5 friendly



6 modern

2 Write sentences for the adjectives in exercise 1. Then compare with a partner.

This window is clean.
Cars are noisy.

3 1.16 Listen to four street interviews in a radio programme. What do the people talk about? Choose four topics from the box and match them to the people.

New York restaurants cafés schools
trains the park buses and bikes

4 1.16 Listen again and write True or False.

- Emma thinks that the shopping centre is cleaner than the park.
- Lukas thinks that the bus is slower than his bike.
- Lukas thinks that buses are more dangerous than bikes.
- Dwayne thinks that Oxford is nicer and older than his city.
- Harriet thinks that Gino's pizzas are bigger and better.
- Chloe thinks that Gino's is friendlier.

5 Think of three places that you like in your town or city and three places that you don't like. Write sentences and say why you like or dislike them. I like the park. It's quiet and pretty.

6 USE IT! Work in groups. Compare your sentences in exercise 5. Which places does your group like and dislike? Compare with other groups.

We like the park because it's quiet and pretty.

18 Towns and cities



viên sửa lỗi. (Đối với các lớp giỏi: giáo viên nên cho học sinh sửa lại các câu sai.)

ĐÁP ÁN

1 True 2 True 3 False (He thinks bikes are more dangerous.) 4 True 5 False (Harriet thinks that Luigi's pizzas are bigger.) 6 True

Hoạt động tự chọn: Nghe

Giáo viên viết lên bảng các câu sau:

- Who does Emma meet at the shopping centre?
- What does Lukas say about the price of the buses?
- Where is Dwayne from?
- What does Harriet agree with Chloe about?

Giáo viên chia lớp thành các đôi bạn và học sinh thảo luận các câu trả lời đối với từng câu hỏi. Giáo viên bắt đoạn ghi âm. Học sinh cố gắng nhớ và trả lời đúng câu hỏi.

ĐÁP ÁN

1 Her friends 2 They are expensive.
3 New York 4 The pizzas in Gino's are better, and the people are friendlier.

Bài tập 5

Học sinh viết ra các câu của mình.

- **Đối với các lớp trình độ cơ bản:** học sinh có thể làm việc theo nhóm đôi. Giáo viên yêu cầu học sinh đọc câu trả lời trước lớp, sau đó sửa lỗi cho các em.

ĐÁP ÁN

Tùy vào câu trả lời của học sinh.

Bài tập 6 USE IT!

Giáo viên chia học sinh thành các nhóm và yêu cầu học sinh viết các câu của mình rồi so sánh với nhau. Sau đó giáo viên cho học sinh nêu lên những địa điểm mình thích hoặc không thích và cho các nhóm hỏi nhau, giải thích lí do tại sao thích/không thích các địa điểm đó.

ĐÁP ÁN

Tùy vào câu trả lời của học sinh.

Bài tập làm thêm

SBT trang 14

Bộ thực hành

Kiểm tra, đánh giá

Bài KT 5 phút, Teacher's Resource Dis

1 LANGUAGE FOCUS • Comparative adjectives

I can compare places and things.

1 Write the comparative form of the adjectives in the table.

Short adjectives	Adjective	Comparative	Long adjectives	Adjective	Comparative
Regular	quiet	quieter			
End in -e	clean, slow				
End in consonant + y	nice, safe				
End in consonant + vowel + consonant	friendly, pretty				
	big, hot				



2 Write sentences using the correct comparative form of the adjectives in brackets. How do you say *than* in your language?

- New York /is / than / Washington. (big)
New York is bigger than Washington.
1 It's / here / than / in my country. (expensive)
2 The weather today / is / than / it was yesterday. (bad)
3 Why / is / this class / than / the other class? (quiet)
4 Are / the buildings / in New York / than / the buildings in Oxford? (modern)
5 This house / is / than / that house. (pretty)

3 3.17 PRONUNCIATION: /ə/ sound in comparatives

Listen and repeat the examples.

- 1 cleaner
2 safer
3 It's nicer than New York.
4 I think Gino's is cheaper than Luigi's.

Now indicate the word whose bold part differs from the other three in pronunciation.

- 1 a. cleaner b. woman c. mother d. man
2 a. nicer b. safer c. about d. any
3 a. cheaper b. bigger c. compete d. tutor
4 a. larger b. enter c. grammar d. verb

4 Read City on the Sea (page 16) again. You may discover some letters pronounced differently in different words. Now indicate the word whose bold part differs from the other three in pronunciation.

- 1 a. sea b. square c. star d. cinemas
2 a. cabin b. comfortable c. café d. cinema
3 a. trees b. plants c. sports d. shops
4 a. work b. swimming c. twenty d. answer

5 USE IT! Work in pairs. Compare your opinions about some of the things in the box. Use the Key Phrases and comparative adjectives.

two cities two sports teams two shops
two restaurants or cafés two TV programmes
two video games two streets two people

KEY PHRASES

Comparing opinions

I think ... Yes, you're right. Really? I think ...

I think Hanoi is prettier than Ho Chi Minh City.

Really? I think Ho Chi Minh is prettier.

Finished?

Make puzzle sentences about objects or places using comparative adjectives.
It's faster than a car, but slower than a plane. (a train)

Towns and cities 19

Trọng tâm ngôn ngữ • Dạng so sánh của tính từ

Mục tiêu

So sánh các đồ vật, sử dụng dạng so sánh của tính từ:

Khởi động

Giáo viên yêu cầu học sinh đóng sách. Giáo viên viết tên hai thành phố lên bảng và hỏi học sinh hai thành phố này khác nhau như thế nào. Giáo viên đưa ví dụ: Hà Nội is smaller than Hồ Chí Minh City. Học sinh dùng dạng so sánh của tính từ để trả lời. Giáo viên cho ghi một số câu đúng và hay lên bảng.

Bài tập 1

Giáo viên yêu cầu học sinh hoàn thành bảng và viết các dạng so sánh của tính từ vào các ô trống rồi mời một số học sinh sửa bài. (Đối với các lớp trình độ cơ bản: giáo viên sửa bài cho cả lớp).

DÁP ÁN

cleaner, slower, nicer, safer, friendlier, prettier, bigger, hotter, more modern, more expensive, better

Bài tập 2

Giáo viên đọc to ví dụ và yêu cầu học sinh cho thêm 1 ví dụ nữa. (Giáo viên nên dịch từ "than" ra tiếng Việt). Giáo viên chia lớp thành các đôi bạn để học sinh viết các câu dùng dạng so sánh của tính từ và trao đổi với nhau. Sau đó giáo viên sửa bài cho cả lớp.

DÁP ÁN

- It's more expensive here than in my country.
- The weather today is worse than it was yesterday.
- Why is this class quieter than the other class?
- Are the buildings in New York more modern than the buildings in Oxford?
- This house is prettier than that house.

Tùy vào câu trả lời của học sinh.

Chú thích ngôn ngữ

Đa số tính từ ngắn thêm -er: old – older.
- tận cùng -e thêm -er: safe – safer.

- tận cùng -y thành -ier: pretty – prettier.
- tận cùng có 1 nguyên âm và 1 phụ âm phải gấp đôi chính phụ âm đó: big – bigger.

Đa số tính từ 2 vấn cần thêm từ **more** để tạo đạng so sánh: modern – more modern

Chúng ta dùng **than** khi so sánh:

It's older than New York.

(Không đặt **than** khi so sánh New York.)

Bài tập 3 Thực hành âm: /ə/

① Track 1•17

Giáo viên bắt đoạn ghi âm cho học sinh nghe, sau đó bắt lại và dùng ở từng câu cho học sinh lặp lại. Giáo viên tiếp tục cho học sinh đọc 4 câu phát âm và tìm đáp án.

DÁP ÁN

Tùy vào câu trả lời của học sinh.

Bài tập 4 Thực hành phụ âm

Giáo viên cho học sinh đọc 4 câu phát âm và tìm đáp án.

DÁP ÁN

1d 2d 3a 4d

Bài tập 5 USE IT!

Giáo viên nêu lên 2 thành phố, 2 đội thể thao... mà học sinh có thể biết. Sau đó giáo viên chia lớp thành các đội bạn để thực hành.

DÁP ÁN

Tùy vào câu trả lời của học sinh.

Kết thúc?

Giáo viên mời các học sinh tự tin và nhanh nhẹn tham gia đỡ vui. Sau đó, giáo viên có thể hoán đổi các học sinh để tiếp tục. Ngoài ra, giáo viên có thể nhờ học sinh đặt câu đố trước cả lớp để học sinh trả lời.

Bài tập làm thêm

SBT trang 15

Kiểm tra, đánh giá

Bài KT 5 phút, Teacher's Resource Disk

Nói • Hỏi, đáp về vị trí

Mục tiêu

Hỏi và đáp về vị trí các địa điểm.

SUY NGHĨ!

Giáo viên đặt câu hỏi và học sinh trả lời. (Giáo viên nên khuyến khích học sinh nói về những trải nghiệm riêng của mình khi tham quan một đô thị nào đó).

ĐÁP ÁN

Tùy vào câu trả lời của học sinh.

Bài tập 1



Track 1-18

Giáo viên cho học sinh đọc qua đoạn hội thoại có các ô trống. Sau đó, giáo viên bắt đầu đọc ghi hình/ ghi âm (2 lần) để học sinh xem/ nghe, hoàn tất đoạn hội thoại và kiểm tra câu trả lời. Giáo viên sửa đáp án cho học sinh.

ĐÁP ÁN

- 1 Are we near
 - 2 the bus station
 - 3 any shops
 - 4 five minutes
- No, they aren't.

Bài tập 2



Track 1-18

Giáo viên mở lại đoạn ghi hình/ ghi âm và yêu cầu học sinh chú ý phát âm, ngữ điệu. Sau đó, giáo viên cho học sinh thực hành những cách phát âm và ngữ điệu này. Giáo viên có thể cho học sinh bắt cặp và thực hành hội thoại.

ĐÁP ÁN

Tùy vào câu trả lời của học sinh.

Bài tập 3

Giáo viên đọc phần STUDY STRATEGY và KEY PHRASES cho lớp nghe, sau đó chia lớp thành các đội bạn để thực hành. Đối với các lớp trình độ cơ bản, giáo viên cho học sinh đóng sách rồi ghi một số từ lên bảng: Excuse, near, far... rồi hỏi xem học sinh nào nhớ toàn bộ KEY PHRASES.

ĐÁP ÁN

Tùy vào câu trả lời của học sinh.

1

SPEAKING • Asking and saying where places are

THINK! You are a tourist in a new town. Where do you look for information and directions?

Woman Excuse me. _____ the bus station here?
Chris Erm ... have you got a map? Yes, look, we're here and _____ is in North Street.
Woman Oh, OK. How far is it from here?
Chris It's about ten minutes on foot.
Woman Right, thanks. And are there _____ around here?
Chris No, but there are some shops in the high street. That's _____ by bus from here.
Woman That's great. Thanks for your help.
Chris You're welcome.



Chris Woman

1 Complete the dialogue with the phrases in the box. Then watch or listen and check. Are Chris and the woman from the same town?

any shops the bus station
Are we near five minutes

2 Watch or listen again. Then practise the dialogue in pairs.

3 Read the Study Strategy and follow the instructions.

STUDY STRATEGY

Learning the Key Phrases

It's a good idea to practise the Key Phrases, so that you can remember them.

- Practise the Key Phrases with a partner.
- Close your book and try to write them. How many can you remember?

KEY PHRASES

Asking and saying where places are

- A Excuse me. Are we near the _____ here?
- B Yes, look, we're here.
- A How far is it / the _____ from here?
- B It's about _____ minutes on foot / by bus.
- A Thanks for your help.
- B You're welcome.

4 Work in pairs. Practise mini-dialogues with How far ... ? and places 1–4.

1 the bus station 3 the cinema
2 the market 4 the next town

Excuse me. How far is the bus station from here?

It's about ten minutes on foot.

Thanks for your help.

You're welcome.

5 USE IT! Work in pairs. Look at the situation and prepare a new dialogue. Use the dialogue in exercise 1 to help you.

Student A

You are a newcomer in your town or city. You want to go to the market. You are outside your school. Ask Student B where the market is.

Student B

Tell Student A where the market is.

20 Towns and cities

Hoạt động tự chọn: Trọng tâm ngôn ngữ

Học sinh làm việc theo đội bạn, diễn giải từ vựng các ô trống.

- 1 How far is the school _____ here?
- 2 It's about ten minutes _____ foot.
- 3 Are there any shops _____ here?
- 4 It's five minutes _____ bus.
- 5 Thanks _____ your help.

ĐÁP ÁN

1 from 2 on 3 around 4 by 5 for

Bài tập 4

Giáo viên mời 2 học sinh đọc mẫu đoạn hội thoại ngắn, sau đó chia lớp thành các đội bạn để thực hành. Giáo viên mời một số đội bạn trình bày hội thoại trước lớp. (Tùy vào trình độ học sinh.)

ĐÁP ÁN

Tùy vào câu trả lời của học sinh.

Bài tập 5 USE IT!

Giáo viên chia lớp thành các đội bạn để thực hành. Đối với các lớp trình độ cao: giáo viên cung cấp thêm các cụm từ chỉ phương hướng: Turn left / right, Go straight on... và cho học sinh đổi vai để thực hành.

ĐÁP ÁN

Tùy vào câu trả lời của học sinh.

Bài tập làm thêm

Sách HS trang 35

Bộ thực hành

1 WRITING • A description of a town or city

I can write a description of a town or city.

THINK! Check the meanings of the words in the box. Which has your town or city got?

buildings a zoo amusement parks shopping malls factories

HỒ CHÍ MINH CITY



Ho Chi Minh City is in the south of Vietnam. It's got a population of about 9,000,000 in 2019. It's very modern and the people are really friendly. There are many good amusement parks, shopping malls and buildings here. Vũng Tàu, Phan Thiết and Đà Lạt are some quite nice places not far from Ho Chi Minh City. I sometimes visit these cities for holidays, but Ho Chi Minh City is more interesting.

- 1 Read the description of Ho Chi Minh City. Which words in the THINK! exercise are in the text?
- 2 Complete the Key Phrases with words from the text.

KEY PHRASES

Describing a town or city

- 1 It's in the north / / west / east / centre of
- 2 It's got a population of about
- 3 It's very and the people are
- 4 There are and but

Language Point: Position of adjectives and Compound sentences

- 3 Look at the phrases in blue in the text. Then underline the correct words.

- 1 When an adjective and a noun are together, the adjective is before / after the noun.
- 2 We use really, very and quite before / after an adjective.

- 4 Compound sentences.

- Look at the underlined sentences in the text. Then circle the correct words.
- 1 We use and to join similar / opposite independent clauses in a compound sentence.
 - 2 We use but to join similar / opposite independent clauses in a compound sentence.

Now order the words to make sentences.

- 3 old town / 152,160 / Hội An Town / and / is / got / a population / it's / of/about / an
- 4 sometimes / stays in Hà Nội / Mr Nam / but / in Ho Chi Minh City / lives / he

5 USE IT! Follow the steps in the writing guide.

WRITING GUIDE

A TASK

Write a description of a town or a city that you like for a website.

B THINK AND PLAN

- 1 Where is the town / city? How big is it?
- 2 How is the town / city? How are the people?
- 3 What are there in the town / city?
- 4 Are there any nice places near the town / city?
- 5 What do you think about the town / city?

C WRITE

Note: Write only ONE paragraph.

... is a town / city in ...

It's got

It's ... and the people ...

There are ... and ...

... are nice places ...

I sometimes ...

D CHECK

- there is, there are
- position of adjectives
- adverbs (quite, very, really)
- and, but
- comparative forms

Towns and cities 21

Giáo viên tiếp tục yêu cầu học sinh giải thích các từ *really*, *very* và *quite*.

ĐÁP ÁN

- 1 before 2 before

Bài tập 4

Giáo viên cho 2 ví dụ câu ghép, một câu dùng từ "and", câu kia dùng "but". Sau đó, giáo viên yêu cầu học sinh chú ý các cụm từ "similar - opposite" và giải thích ý nghĩa. Học sinh làm bài và giáo viên sửa bài cho cả lớp, chú ý các lỗi sai.

ĐÁP ÁN

- 1 similar
- 2 opposite
- 3 Hội An Town is an old town, and it's got a population of about 152,160.
- 4 Mr Nam sometimes stays in Hà Nội, but he lives in Ho Chi Minh City.

Hoạt động tự chọn: Viết

Giáo viên cho học sinh đóng sách và đọc 4 câu sau thật chậm cho học sinh viết chính tả:

- 1 The zoo is really interesting.
- 2 There are some quite nice shops.
- 3 There's a very old castle.
- 4 The people are really friendly.

Giáo viên mời một số học sinh lên bảng viết lại các câu trên, sửa lỗi và chú ý chính tả các từ *really*, *castle*.

Bài tập 5 USE IT!

Giáo viên hướng dẫn học sinh đọc kỹ hướng dẫn, chú ý các cụm từ chính rồi cho học sinh viết bài. **Giáo viên có thể cho học sinh về nhà viết bài và thu lại ở buổi học sau để chấm điểm.**

ĐÁP ÁN

Tùy vào câu trả lời của học sinh.

Bài tập làm thêm

Sách BT trang 17
Bộ thực hành

Viết • Miêu tả một đô thị

Mục tiêu

Viết được một đoạn văn miêu tả một đô thị mà học sinh thích.

SUY NGHĨ:

Giáo viên cho học sinh sử dụng từ điển để kiểm tra nghĩa các từ trong khung, sau đó đặt một số câu hỏi để học sinh trả lời:
What's your favourite place? Which parts do you never visit? Why?

ĐÁP ÁN

Tùy vào câu trả lời của học sinh.

Bài tập 1

Giáo viên chia lớp thành các đội bạn. Học sinh đọc đoạn văn miêu tả Thành phố Hồ Chí Minh rồi trả lời các câu hỏi và so sánh lẫn nhau. Giáo viên sửa bài cho học sinh.

ĐÁP ÁN

- buildings, amusement parks, shopping malls
- Exercise 2**
Học sinh tự hoàn thành các cụm từ. Giáo viên sửa bài và giải thích rõ ý nghĩa các cụm từ.
- ĐÁP ÁN**
- 1 South/Viet Nam
 - 2 9,000,000 (Nine million)
 - 3 modern/ really friendly
 - 4 many good amusement parks, shopping malls/ buildings
 - 5 sometimes visit Vũng Tàu, Phan Thiết and Đà Lạt, .../ Ho Chi Minh City is more interesting

Điểm ngôn ngữ: Vị trí các tính từ

Bài tập 3

Giáo viên yêu cầu học sinh chú ý vào các cụm từ và hỏi học sinh từ nào là tính từ. Học sinh trả lời và giáo viên sửa bài.

PHẦN BA

CÁC NỘI DUNG KHÁC

1. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO VIÊN TIẾNG ANH 6 FRIENDS PLUS

1.1. Cấu trúc của Sách giáo viên

Sách gồm 4 phần:

- Giới thiệu phương pháp giảng dạy trong *Tiếng Anh 6 Friends Plus*.
- Gợi ý tổ chức hoạt động và đáp án cho các tài liệu trong Sách học sinh.
- Nội dung của phần nghe (Script) trong Sách học sinh và Sách bài tập.
- Đáp án của Sách bài tập.

1.2. Sử dụng Sách giáo viên hiệu quả

- Giáo viên xác định trình độ chung của lớp mình giảng dạy trước khi soạn giáo án (Lesson Plan).
 - Giáo viên tham khảo các gợi ý tổ chức hoạt động giảng dạy, điều chỉnh và bổ sung cho phù hợp với môi trường và trình độ tiếp thu của học sinh rồi bắt đầu soạn giáo án.
 - Khi soạn giáo án, giáo viên nên dự trù khoảng thời gian có thể phát sinh trong quá trình dạy học để tránh kết thúc bài học quá sớm hoặc không thể kết thúc bài học trong 45 phút quy định.
 - Đối với các bài học có thể phải bổ sung thời gian (*không dạy phần Puzzles and Games mà sử dụng thời gian để bổ sung cho một bài học khác*), giáo viên cần cân nhắc các hoạt động phải bổ sung và ước lượng thời gian hợp lý.
 - Giáo viên nên đọc kỹ các đáp án, nghe thử các tệp mp3 trước khi lên lớp để tránh các lỗi sai trong quá trình giảng dạy.

2. GIỚI THIỆU VÀ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CÁC NGUỒN TÀI LIỆU THAM KHẢO CỦA NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

2.1. Website dành cho giáo viên www.taphuan.nxbgd.vn: (Tài nguyên số)

- Bài tập thực hành từ vựng và trọng tâm ngôn ngữ ở 3 cấp độ: cơ bản, ôn tập và mở rộng.
- Bài tập thực hành về kỹ năng nói.
- Các bài kiểm tra trình độ sử dụng vào đầu năm học.
- Các bài kiểm tra cuối mỗi đơn vị bài học, bao gồm kiểm tra kỹ năng nghe, từ vựng, ngữ pháp, đọc và viết ở ba cấp độ: cơ bản, tiêu chuẩn và nâng cao. Ngoài ra cũng có một bài kiểm tra nói cho mỗi đơn vị bài học.
- Các bài kiểm tra cuối học kì và cuối năm ở ba cấp độ: cơ bản, tiêu chuẩn và nâng cao.
- Bài kiểm tra năm phút về ngôn ngữ, bao gồm Từ vựng và Trọng tâm Ngôn ngữ.
- Tất cả các bài kiểm tra có sẵn ở định dạng Word và PDF có thể chỉnh sửa, và có hai mẫu A/B song song.
- File nghe định dạng mp3 cho Sách học sinh, Sách bài tập và bài kiểm tra.
- Kế hoạch bài dạy tham khảo (giáo án)
- Bài giảng điện tử tham khảo

2.2. Công cụ trình chiếu trong lớp học: (Classroom Presentation Tools) – friendsseries.edu.vn

- Phiên bản kỹ thuật số của Sách học sinh và Sách bài tập.
- File nghe, video và các bài tập tương tác có thể trình chiếu trực tiếp.
- Đáp án tự động có thể hiển thị tất cả các câu trả lời cùng lúc hoặc từng câu.
- Các công cụ có thể phóng to và tập trung vào một hoạt động, tô sáng và thêm ghi chú vào trang.
- Các đoạn video thực tế (Vox pops video) cho các đơn vị bài học trong Sách học sinh.
- Video chức năng cho các đơn vị bài học trong Sách học sinh.
- Phần ảnh động giới thiệu một vài chủ điểm ngữ pháp chính trong Sách học sinh.
- Hệ thống các bài tập kiểm tra thực hành giúp học sinh củng cố ngôn ngữ và kỹ năng đồng thời làm quan với các định dạng của các bài thi Chuẩn Quốc gia và Quốc tế.



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH



BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 6 – CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

- | | |
|---|--|
| 1. NGỮ VĂN 6, TẬP MỘT | 8. KHOA HỌC TỰ NHIÊN 6 |
| 2. NGỮ VĂN 6, TẬP HAI | 9. CÔNG NGHỆ 6 |
| 3. TOÁN 6, TẬP MỘT | 10. TIN HỌC 6 |
| 4. TOÁN 6, TẬP HAI | 11. GIÁO DỤC THỂ CHẤT 6 |
| 5. TIẾNG ANH 6
Friends Plus - Student Book | 12. ÂM NHẠC 6 |
| 6. GIÁO DỤC CỘNG DÂN 6 | 13. MĨ THUẬT 6 |
| 7. LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 6 | 14. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM,
HƯỚNG NGHIỆP 6 |

Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
- **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
- **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
- **Cửu Long:** CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long
- Sách điện tử:** <http://hanhtrangso.nxbgd.vn>

Hỗ trợ, trao đổi và giải đáp thắc mắc, trả lời câu hỏi để dành cho giáo viên và người quản lý.	Phuong Nam Education - 29/9/20	29/9/20
Môn tiếng Anh Môn học bằng Anh	Sinh hoạt chuyên môn thuongho - 26/9/20	Trả lời: 0 Lượt xem: 42
Lớp 1	T	thuongho 26/9/20
Lớp A và S		Bạn phải đăng nhập hoặc đăng ký để viết bài.

Sách không bán